

PHẠM TRÙ THÁI ĐỘ VÀ THANG ĐỘ TRONG BÀI BÁO VỀ COVID-19 NHÌN TỪ LÍ THUYẾT ĐÁNH GIÁ

Nhận bài:

15 – 01 – 2020

Chấp nhận đăng:

20 – 03 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Võ Nguyễn Thùy Trang

Tóm tắt: Dựa vào Lí thuyết đánh giá ngôn ngữ của Martin và White (2005), bài báo mô tả đặc điểm ngữ nghĩa và sự nhận diện từ vựng của phạm trù Thái độ hiển ngôn và Thang độ trong bài báo bình luận về dịch bệnh Covid-19 - đại dịch toàn cầu đầu năm 2020. Mẫu dữ liệu gồm 44 câu trong bài báo bình luận We need to talk about what coronavirus recoveries look like của thời báo The New York Times được chọn, kết hợp cùng cách tiếp cận định tính và định lượng để chỉ ra kết quả phân tích. Kết quả cho thấy ngôn ngữ thể hiện Thái độ tích cực và tiêu cực ở Biểu cảm, Phán xét và Đánh giá; Thang độ thể hiện được sự cường độ hóa tăng và lượng hóa tăng các Thái độ, làm cho giá trị Thái độ có nét biểu thái mạnh hơn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cho người dạy và học ngoại ngữ những kiến thức cơ bản để hiểu và sử dụng chính xác ngôn ngữ diễn đạt Thái độ và Thang độ trong đọc hiểu, viết và dịch thuật văn bản bình luận.

Từ khóa: covid-19; đánh giá; phán xét; tác động; thang độ.

1. Giới thiệu

Trong các thể loại báo chí, bình luận thể hiện rõ nét nhất thái độ, chính kiến, quan điểm tư tưởng của người viết đối với những vấn đề thời sự thiết yếu cũng như trích dẫn các quan điểm, thái độ của quần chúng hay nhóm đối tượng cụ thể trước một vấn đề thời sự trong xã hội; góp phần giải thích, phân tích, tổng hợp để đem đến cho người đọc, người nghe một nhận thức đúng đắn về vấn đề họ đang quan tâm. Đặc biệt, trong những tháng đầu năm 2020, đại dịch toàn cầu do Covid-19 đã có những tác động rộng khắp trên mọi lĩnh vực đời sống, an sinh xã hội của nhiều quốc gia. Báo chí luôn ưu tiên truyền tải những thông tin cập nhật liên quan Covid-19, trong đó có các bài bình luận đã thể hiện rõ thái độ của các chủ thể thẩm định về đại dịch này ở những thang độ khác nhau.

Nhìn từ góc độ của ngôn ngữ học, thể loại bình luận cần được nghiên cứu thấu đáo hơn nữa trên phương diện đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng. Trong quá trình đọc hiểu văn bản bình luận tiếng Anh, nếu đọc giả, đặc biệt

là người học ngoại ngữ, có hiểu biết về ngôn ngữ diễn tả Thái độ và Thang độ thì những đối tượng này có thể lĩnh hội nội dung diễn ngôn dễ dàng hơn. Vì vậy việc tiến hành khảo sát, phân tích ngôn ngữ mang chức năng Thái độ và Thang độ trong văn bản bình luận về Covid-19 là điều có ý nghĩa thực tiễn. Lí thuyết đánh giá về ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Theory) của Martin và White (2005) là cơ sở lí luận và định hướng tiếp cận cho bài nghiên cứu thông qua Khung đánh giá. Thêm vào đó, trong lĩnh vực giáo dục hoặc báo chí nói riêng, việc hiểu đúng ý nghĩa và cách sử dụng ngôn ngữ mang chức năng biểu thị thái độ theo thang độ phù hợp sẽ giúp người viết áp dụng vào kĩ năng sản sinh - viết báo hay các bài bình luận học thuật về một vấn đề cụ thể trong tiếng Anh, dịch thuật, góp phần làm cho sức diễn đạt được súc tích, rõ ràng, đạt được mục tiêu giao tiếp cao nhất và hiệu quả nhất.

Khung đánh giá gồm ba phạm trù chính: Thái độ (Attitude); Giọng điệu (Engagement); và Thang độ (Graduation) (Martin và White, 2005). Đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực có liên quan đến phân tích thẩm định ngôn ngữ nói chung, hoặc đi sâu phân tích từng khía cạnh của từng phạm trù, trong đó chúng ta không thể không nhắc đến các tác giả như

* Tác giả liên hệ

Võ Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Email: trangvo2807@gmail.com

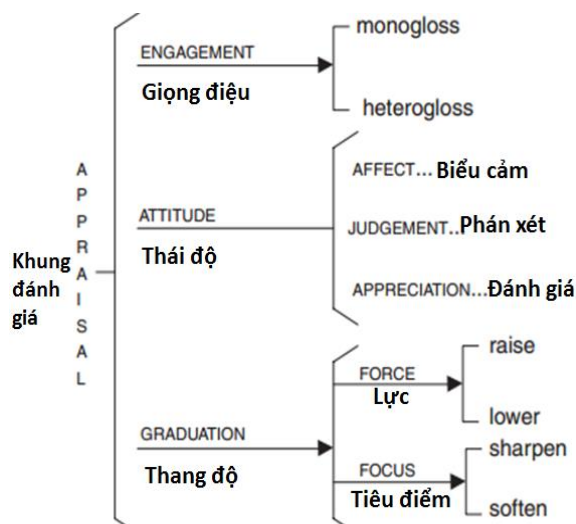
Rothery và Stenglin (2000) với công trình nghiên cứu về vai trò của phân tích ngôn ngữ đánh giá, ngôn ngữ phán xét trong văn học. Neviarouskaya, Predinger và Ishizuka (2010) cũng khảo sát về cách nhận biết các chức năng biểu cảm, phán xét. Tác giả người Trung Quốc - Hà Trung Thanh (2011) đã đặc biệt dành riêng mảng nghiên cứu chuyên sâu về phạm trù Thang độ. Tác giả đã khẳng định phạm trù thang độ đóng vai trò rất quan trọng, cung cấp nguồn phân cực rõ ràng cho hệ thống Thái độ và Giọng điệu, góp phần thể hiện nghĩa biểu thái rõ nét hơn. Nguyễn Thị Linh Tú (2019) đã cung cấp thông tin về các nghiên cứu cùng lĩnh vực này ở Trung Quốc. Trong đó, tác giả Lưu Thừa Vũ nghiên cứu hệ thống đánh giá diễn ngôn báo chí tiếng Anh và đọc hiểu phê phán. Tác giả cho rằng việc phân tích nguồn tài nguyên đánh giá có thể giúp cho việc lí giải chính xác văn bản qua sự liên kết của tầng ngữ nghĩa, tăng cường năng lực lí giải văn bản của người đọc và người học. Bên cạnh đó, các tác giả trong nước cũng dành sự quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu phân tích thẩm định. Trong luận án tiến sĩ, Nguyễn Hồng Sao (2010) đã dành một phần so sánh ngôn ngữ đánh giá ở thể loại Tin và Phóng sự, nhưng lại chưa đề cập đến thể loại Bình luận. Trong công trình chuyên khảo về tiếng Việt, tác giả Huỳnh Thị Chuyên (2014) cũng đã tiến hành phân tích ngôn ngữ bình luận trong các diễn ngôn bình luận báo chí nhưng ở dưới góc độ về quan niệm ngữ pháp chức năng của Halliday, bao quát cả ba siêu chức năng ngôn ngữ văn bản.

Khi đi qua tất cả các công trình nghiên cứu ở trên, chúng ta có thể thấy rằng vấn đề phân tích ngôn ngữ Thái độ và Thang độ trong văn bản bình luận vẫn chưa được triển khai kết hợp trong cùng các mẫu văn bản với chức năng thẩm định đánh giá. Vì vậy bài nghiên cứu hi vọng bổ sung một số phát hiện về đặc điểm ngôn ngữ mang chức năng Thái độ và Thang độ.

2. Cơ sở lí thuyết

Lí thuyết đánh giá và Khung đánh giá (Appraisal Frame) của Martin và White (2005) là cơ sở lí luận được vận dụng vào phân tích ngôn ngữ văn bản trong bài nghiên cứu này bởi hệ thống ngôn ngữ đánh giá được xem là một hệ thống liên nhân ở cấp độ ngữ nghĩa diễn ngôn. Khung đánh giá bao gồm ba phạm trù chính,

tuy nhiên, bài báo này chỉ phân tích phạm trù Thái độ, và Thang độ cùng với các tiểu phạm trù.



Hình 1. Khung đánh giá (Martin và White, 2005, tr.38)

Giá trị Thái độ có thể được mã hóa trong bộ khung gồm:

- Chủ thể thẩm định (CTTĐ): Hay chủ thể của cảm xúc - là người hoặc vật có lí trí, nêu thái độ và chính kiến;
- Bị thể thẩm định (BTTĐ): Là người hoặc vật bị / được đánh giá / phán xét;
- Thể hiện ngôn ngữ (THNN): Đơn vị từ vựng mang chức năng đánh giá, phán xét.

2.1. Thái độ

Ngôn ngữ diễn tả thái độ được xếp vào các tiểu phạm trù như sau:

2.1.1. Biểu cảm

Giá trị Biểu cảm (Affect) có liên quan đến các cảm nghĩ hoặc cảm xúc tích cực và tiêu cực của chủ thể trước một sự kiện nào đó. Các cảm xúc bao gồm: vui hay buồn, hạnh phúc hay bất hạnh, hài lòng hay không hài lòng, thích thú hay chán nản, an toàn hoặc lo lắng (Martin và White, 2005, tr.45-52).

2.1.2. Phán xét

Trong phạm trù Phán xét (Judgment), ngôn ngữ thể hiện thái độ chính kiến về các hành vi và cá tính của con người bằng cách quy chiếu vào một hệ thống chuẩn mực xã hội được quy ước hóa hoặc thiết chế hóa. Phạm trù này đề cập đến thái độ "ái mộ hoặc chỉ trích, ca ngợi

hoặc lên án” một cá nhân nào đó về: quy chuẩn, năng lực, sự kiên định, tính chân thực, tính đạo đức.

2.1.3. Đánh giá

Đánh giá (Appreciation) liên quan đến các hiện tượng, kí hiệu và tự nhiên theo những cách thức trong đó chúng được hoặc không được lượng giá trong một lĩnh vực nhất định. Đánh giá gồm ba tiêu phạm trù:

- Phản ứng (reaction): chỉ ra các tác động và chất lượng của bị thể gây ra phản ứng cho chủ thể thẩm định;
- Kết cấu (composition): chỉ ra các trường nghĩa về tính cân bằng và mức độ phức hợp của bị thể thẩm định;
- Giá trị (valuation): chỉ ra trường nghĩa về giá trị, tính có / không có lợi ích của bị thể thẩm định.

2.2. Thang độ

Theo Martin và White (2005), Thang độ chỉ độ cao (up-scale)/ thấp (down-scale) của các ý nghĩa biểu thái. Một thuộc tính chung của các giá trị Thái độ như Biểu cảm, Phán xét và Đánh giá là nó được phân biệt tùy theo bản chất của ý nghĩa được đo lường, nên Thang độ sẽ kiến tạo nên các cấp độ cao/ mạnh hơn hoặc thấp/ yếu hơn cho tính tích cực và tiêu cực của các hành động phán xét hay đánh giá nhân vật và sự kiện,... cần được thẩm định. Thang độ được cát cứ vào hai phạm trù con là (1) Lực và (2) Tiêu điểm, tuy nhiên ở bài báo này chỉ đề cập đến Lực: cường độ (intensity) hoặc số lượng (amount).

Các đánh giá về “cường độ” có thể vận hành qua “chất lượng - quality” (VD: slightly foolish - hơi ngớ ngẩn, extremely foolish - cực kì ngớ ngẩn) hoặc qua các “quá trình - process” (VD: This slightly hindered us - Sự việc này đã hơi cản trở chúng tôi; This greatly hindered us - Sự việc này đã rất cản trở chúng tôi) hoặc qua các từ tình thái chỉ khả năng, sự năng diễn, thiên hướng và bổn phận (VD: It's just possible that - chỉ có thể là; It's very possible that - rất có thể là).

Các đánh giá về “số lượng” được áp dụng cho các “thực thể - entity” thay vì cho chất lượng và quá trình, và được gọi là “phương thức định lượng”. Phương thức này cung cấp một sự đo lường mơ hồ về các con số (VD: a few miles - một vài dặm đường, many miles - nhiều dặm đường) và sự đo lường mơ hồ về vóc dáng hoặc khối lượng của các thực thể theo các đặc trưng như kích cỡ, trọng lượng, sự phân bố hoặc độ gần - xa (VD:

nearby mountain - dãy núi gần, distant mountain - dãy núi xa).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp

Phương pháp mô tả, phân tích định tính, dữ liệu định lượng được dùng như các thành tố cho việc khảo sát, phân tích, diễn giải về tần số sử dụng các ngôn ngữ Thái độ và Thang độ dưới hình thức hiển ngôn.

3.2. Ngữ liệu

Căn cứ vào mục đích nghiên cứu nhằm phân tích ngôn ngữ mang chức năng Thái độ và Thang độ trong bài bình luận về Covid-19, chúng tôi chọn bài bình luận “We need to talk about what coronavirus recoveries look like” (gồm 1.056 từ trong 44 câu), trong chuyên mục “Op-Ed” contributors (bình luận của cộng tác viên) của thời báo The New York Times. Bài bình luận đăng trên báo số ngày 14/04/2020 về diễn biến dịch bệnh, tác động của nó và cảm nghĩ, câu chuyện chia sẻ của các bệnh nhân nhiễm covid-19 trong giai đoạn phục hồi dịch bệnh.

4. Kết quả và đánh giá

4.1. Đặc điểm ngữ nghĩa của Thái độ

Kết quả cho thấy hiển ngôn chỉ thái độ thể hiện cả hai mặt ý nghĩa tích cực (+) và tiêu cực (-). Các nội dung này sẽ được trình bày cụ thể trong các phần dưới đây.

4.1.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của Biểu cảm

Biểu cảm thể hiện suy nghĩ, biểu cảm của chủ thể. Trong bài bình luận về Covid-19, có một chi tiết thể hiện biểu cảm tích cực và bốn chi tiết biểu cảm tiêu cực. Những cảm xúc tích cực và tiêu cực đang xen khi chủ thể mô tả lại quá trình mắc bệnh và phục hồi. Các giá trị Biểu cảm được nhận diện thông qua các danh ngữ, tính ngữ và động ngữ. Xét các ví dụ sau:

(1) While the widespread support from friends, family and strangers has been very heartwarming, I've also struggled to reconcile the **genuine happiness** expressed at my improving condition with my own lingering symptoms, **confusion** about contagion, and **anxieties** about relapse.

(Dịch: Cùng với sự ủng hộ rộng rãi, ấm lòng từ bạn bè, gia đình và những người xa lạ, tôi cũng đã đấu

tranh để dung hòa niềm hạnh phúc thật sự trong tình trạng hồi phục với các triệu chứng dai dẳng, sự bối rối về bệnh truyền nhiễm và lo lắng về việc tái phát.)

(2) When I first came home from the hospital, I **felt alone** in my healing process.

(Dịch: Khi tôi mới xuất viện về nhà, tôi cảm thấy đơn độc trong quá trình hồi phục.)

Ở ví dụ (1), cụm danh ngữ “genuine happiness” thể hiện cảm xúc hạnh phúc tích cực của chủ thể trong giai đoạn phục hồi dịch bệnh, tuy nhiên ở ví dụ (2), động ngữ “felt alone” chỉ ra thái độ tiêu cực, cô đơn khi phải tự cách ly phòng chống bệnh.

4.2.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của Phán xét

Phán xét liên quan đến các thái độ nhận xét về một hành vi ứng xử, cát cứ trên 5 tiêu phạm trù. Kết quả khảo sát trong văn bản bình luận về Covid-19, phán xét hiện ngôn hướng về “năng lực và sự kiên định”, và được nhận diện qua 10 động ngữ, một danh ngữ và một tính ngữ. Ví dụ như:

(3) When I tested positive for coronavirus on March 17, I **didn't know** what to expect.

(Dịch: Khi tôi xét nghiệm dương tính với covid-19 ngày 17/03, tôi đã không biết những gì sẽ xảy đến tiếp theo.)

(4) In the weeks since, the world has **learned** more **about** what the virus's symptoms can look like, but we still **don't know** [năng lực] much [thang độ] about the long-term health impacts, the possibility of immunity, how long infected patients remain contagious, or what recovery looks like.

(Dịch: Trong những tuần sau đó, thế giới đã hiểu biết nhiều hơn về các triệu chứng của vi rút, nhưng chúng ta vẫn không biết nhiều về các tác động sức khỏe lâu dài, khả năng miễn dịch, thời gian ủ bệnh, hay quá trình phục hồi sẽ như thế nào.)

Động ngữ “know” ở hình thức phủ định “didn't know và don't know” (không biết) ở hai ví dụ (3) và (4) thể hiện sự mơ hồ của chủ thể về những hệ lụy do covid-19 gây ra. Ngược lại, ở ví dụ (4), động ngữ “learn about” thể hiện nét nghĩa phán xét tích cực, ca ngợi khả năng của các quốc gia toàn cầu có thêm nhiều hiểu biết về covid-19 theo thời gian. Xét tiếp ví dụ (1) ở trên,

phán xét tiêu cực được thể hiện qua danh ngữ “confusion” (bối rối).

Bảng 1. Phân tích Phán xét hiện ngôn

VD	THNN	CTTD	BTTD	-/+
(1)	confusion	tác giả	tôi	(-)
(3)	didn't know	tác giả	tôi	(-)
(4)	learned about	tác giả	tôi	(+)
(4)	don't know	tác giả	tôi	(-)

4.2.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của Đánh giá

Đánh giá hiện ngôn thể hiện rõ ràng thái độ của chủ thể thẩm định về các đặc điểm, tác động của đại dịch covid-19 gây ra cho người bệnh và xã hội. Trong bài báo được phân tích, Đánh giá hiện ngôn tập trung vào cả ba khía cạnh phản ứng, kết cấu và giá trị, được thể hiện bởi các tính ngữ và danh ngữ. Xét các ví dụ:

(5) Over the past two weeks, people from all over the world have joined. And one of *the most* [thang độ] **common** topics [đánh giá] of discussion has been how **complicated** the recovery process has been - *more complicated* than is widely realized.

(Dịch: Trong hai tuần qua, mọi người trên toàn thế giới đã tham gia. Và một trong những chủ đề thảo luận phổ biến nhất là quá trình phục hồi dịch bệnh phức tạp - phức tạp hơn nhiều so với những gì chúng ta biết.)

(6) The news is filled with **uplifting** stories of patients who have survived Covid-19 - including my own - but rarely do these narratives cover the long and jagged road to recovery that follows.

(Dịch: Tin tức gồm những câu chuyện nhân văn lên tinh thần của những bệnh nhân sống sót sau Covid-19 - bao gồm cả chính tôi - nhưng hiếm khi những câu chuyện này chia sẻ về những chông gai để hồi phục bệnh.)

Trong ví dụ (5), người đọc có thể dễ dàng nhận ra thái độ đánh giá tiêu cực của chủ thể thẩm định về tính phức tạp của quá trình phục hồi dịch bệnh “recovery process” qua tính ngữ “complicated” (phức tạp) ở hình thức so sánh hơn. Tính thời đại của vấn đề cũng được thể hiện qua tính ngữ “common” (phổ biến) ở cấp độ so sánh

nhất. Tuy nhiên, ở ví dụ (6), khi đánh giá bị thể thẩm định “stories” (câu chuyện) - câu chuyện chia sẻ của những bệnh nhân covid-19, chủ thể thẩm định thể hiện thái độ tích cực khi sử dụng tính ngữ “uplifting” (tính nhân văn cao) bởi những chia sẻ này góp phần trấn an mọi người và giúp mọi người hiểu rõ hơn về dịch bệnh.

Bảng 2. Phân tích Đánh giá hiển ngôn

VD	THNN	CTTĐ	BTTĐ	-/+
(5)	Common	Tác giả	Topic covid-19	(+)
(5)	Complicated	Tác giả	Recovery process	(-)
(6)	Uplifting	Tác giả	Stories	(+)

4.2.4. Tần số xuất hiện của giá trị Thái độ

Ở bài báo bình luận “We need to talk about what coronavirus recoveries look like”, trong tổng số 44 câu, có 30 câu chứa các giá trị Thái độ - biểu cảm, phán xét, và đánh giá. Tần số xuất hiện thường xuyên của các giá trị thái độ góp phần chỉ ra quan điểm, tư tưởng rõ ràng của tác giả bài báo trước vấn đề thời sự của toàn thế giới. Các ví dụ minh họa cho các giá trị và tần số xuất hiện được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Tần số xuất hiện giá trị Thái độ

Thái độ	Ví dụ	Tần số
Biểu cảm	genuine happiness, felt alone, confident.	5
Phán xét	confusion, grapple, struggle, understand, educate, learn about.	12
Đánh giá	widespread support, long-term impact, difficult, complicated, mild, severe, uplifting.	24

Từ Bảng 3 ta thấy giá trị Đánh giá chiếm tần số cao nhất - 24 giá trị, thể hiện đánh giá của tác giả về mức độ nguy hiểm và tác động của dịch bệnh cũng như những câu chuyện nhân văn của bệnh nhân trong quá trình phục hồi. Theo sau là 12 giá trị phán xét về năng lực

hiểu biết về dịch bệnh, và 5 giá trị biểu cảm thể hiện cảm xúc của chủ thể thẩm định.

4.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của Thang độ

Thang độ chỉ sự cao hoặc thấp của các ý nghĩa biểu thái của giá trị Thái độ, tạo nên các cấp độ cao/mạnh hơn hoặc thấp/yếu hơn cho tính tích cực hoặc tiêu cực. Trong bài báo bình luận về covid-19, tác giả đã sử dụng 36 chi tiết thuộc phạm trù Thang độ để cường độ hóa hoặc lượng hóa tăng thái độ.

Ví dụ về cường độ tăng của chất lượng:

(7) Another member of our group, Charlie, 24, described his case as “**relatively** mild,” but said that more than 23 days into the illness, he’s still experiencing a fever, cough and shortness of breath.

(Dịch: Một thành viên khác trong nhóm, Charlie, 24 tuổi, mô tả trường hợp của anh ấy khá nhẹ, nhưng nói rằng hơn 23 ngày sau, anh ấy vẫn bị sốt, ho và khó thở.)

(8) Even **more confusing than** the arrival of new symptoms is the way my progress seems to stop and start.

(Dịch: Thậm chí khó hiểu hơn sự xuất hiện của các triệu chứng mới là cách mà tiến trình của tôi dường như dừng lại và bắt đầu.)

Ví dụ về cường độ tăng của quá trình:

(9) After all, while infection rates **increase**, the newness of the virus means that there still isn’t anyone in the world who can report on what life is like six — or even four — months post-symptoms.

(Dịch: Sau cùng, trong khi tỉ lệ lây nhiễm gia tăng, sự mới mẻ của vi rút báo hiệu không phải bất kì ai cũng có thể dự báo được cuộc sống sẽ như thế nào trong sáu hoặc bốn tháng sau thời kì nhiễm bệnh.)

Ví dụ về sự lượng hóa tăng của con số:

(10) **Much** remains unknown about the virus, and **many** of the symptoms I experienced, such as gastrointestinal issues and loss of smell, were only just being identified.

(Dịch: Vẫn còn nhiều điều về vi rút chưa được biết, và nhiều triệu chứng tôi đã gặp phải, chẳng hạn như các vấn đề về đường tiêu hóa và mất mùi, chỉ mới được xác định.)

(11) It’s been **almost four** weeks since I first became sick, and **three** weeks since I was discharged from the hospital.

(Dịch: Đã gần bốn tuần kể từ ngày đầu tiên tôi bị mắc bệnh, và được ba tuần kể từ khi tôi được xuất viện.)

Bảng 4. Phân tích Thang độ

VD	Ví dụ	Nghĩa
(7)	relatively (mild)	Đánh giá (+)
(8)	more (confusing) than	Đánh giá (-)
(9)	(infection rates) increase	Đánh giá (-)
(10)	Much / many	Đánh giá (-)
(11)	almost four / three (weeks)	Đánh giá (-)

Tần số xuất hiện các giá trị thang độ được minh họa ở Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Tần số các giá trị Thang độ

Thang độ - Lực		Tần số
Tăng (up-scale)		36
Giảm (down-scale)		0
Cường độ hóa (intensification)	Chất lượng (quality)	12
	Quá trình (process)	5
Lượng hóa (quantification)	Con số (number)	19
	Khối lượng (mass presence)	0
	Phạm vi (extent)	0

Từ Bảng 5 ta thấy trong bài bình luận này, tác giả chỉ sử dụng cường độ hóa tăng, chỉ mức độ mạnh/cao của chất lượng của thực thể và quá trình với tần số lần lượt là 12 và 5. Chi tiết thang độ cho lượng hóa tăng về con số chiếm tần số cao nhất là 19, nhưng ở bài bình luận này không sử dụng thang độ để đánh giá khối lượng của thực thể hay phạm vi về không gian và thời gian.

Qua khảo sát, các phương tiện diễn tả thang độ đã được sử dụng phong phú và linh hoạt để góp phần đạt được mục đích giao tiếp. Một loạt các đơn vị từ vựng như “danh ngữ, động ngữ, lượng ngữ, tính ngữ,

phó ngữ, đại từ” được sử dụng. Bảng minh họa dưới đây liệt kê các giá trị được khảo sát:

Bảng 6. Nhận diện từ vựng giá trị Thang độ

TT	Từ loại	Ví dụ
1	Danh ngữ	pandemic (đại dịch), nightmare (ác mộng)
2	Lượng ngữ	four/three/two/six + weeks much, many, some of, almost all, over...
3	Tính ngữ	frequent, intense, severe, mild,
4	Phó từ	very, relatively, widely, certainly, more, the most,
5	Động ngữ	flooded, increased
6	Đại từ	I (tôi), we (chúng tôi)

5. Kết luận

Với cách tiếp cận định tính và định lượng cùng công cụ mô tả, dựa trên Lí thuyết đánh giá của Martin và White (2005), bài báo bình luận về covid-19 “We need to talk about what coronavirus recoveries look like” được phân tích trong khuôn khổ 44 câu. Sau cùng, chúng tôi rút ra các kết luận sau:

Giá trị thái độ hiển ngôn bao gồm Biểu cảm, Phán xét và Đánh giá đều được sử dụng với tần số lần lượt là 5, 12 và 24. Trong đó phán xét chủ yếu về năng lực và sự kiên định; đánh giá tập trung vào tác động, tính kết cấu nhiều nhất. Thêm vào đó, việc tác giả chỉ sử dụng các giá trị Thang độ chỉ cường độ hóa tăng và lượng hóa tăng đã làm tăng và mạnh thêm nghĩa biểu thái của lời phán xét hay đánh giá trong văn bản bình luận, giúp tác giả thể hiện thái độ rõ ràng hơn trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp của dịch bệnh.

Về đặc điểm từ vựng nhận diện, giá trị thái độ trong bài bình luận này được nhận diện chủ yếu qua tính ngữ, theo sau là động ngữ và danh ngữ. Tác giả sử dụng các lượng từ để mô tả sự lượng hóa tăng về số lượng; các danh ngữ, tính ngữ và phó từ là nhóm từ vựng chủ yếu thể hiện cường độ hóa cho chất lượng và quá trình.

Bài phân tích sẽ góp phần giúp người học và người dạy ngoại ngữ có thể nắm vững và phân biệt cách sử dụng ngôn ngữ thái độ và thang độ. Sử dụng chúng một cách hữu ích vào quá trình dạy và học ngoại ngữ ở các kỹ năng tiếng như đọc hiểu, viết học thuật và dịch thuật văn bản.

Tài liệu tham khảo

- Hà, T. T. (2011). *Phạm trù thang độ trong lý thuyết đánh giá: Nguồn gốc lý luận và phát triển*. Học viện ngoại ngữ Bắc Kinh.
- Huỳnh, T. C. (2014). *Ngôn ngữ bình luận trong báo in tiếng Việt hiện nay* [Luận án Tiến sĩ]. Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Martin, J. R., & White, P. R. R. (2005). *The Language of Evaluation*. Palgrave Macmillan UK. <https://doi.org/10.1057/9780230511910>
- Neviarouskaya, A., Prendinger, H., & Ishizuka, M. (2010). Recognition of Affect, Judgment, and Appreciation in Text. *Proceedings of the 23rd*

International Conference on Computational Linguistics, 806–814.

- Nguyễn, H. S. (2010). *So sánh ngôn ngữ báo chí tiếng Việt và tiếng Anh qua một số thể loại* [Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu]. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, T. L. T. (2019). Khái quát tình hình phát triển và ứng dụng lý thuyết đánh giá trong nghiên cứu ngôn ngữ ở Trung Quốc. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 128(6A), 63. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jssh.v128i6A.5148>
- Rothery, J., & Stenglin, M. (2000). Interpreting Literature: The Role of Appraisal. In L. Unsworth (Ed.), *Researching Language in Schools and Functional Linguistic Perspectives*.

ATTITUDE AND GRADUATION IN ARTICLE ON COVID-19 – APPRAISAL THEORY APPROACH

Abstract: Based on Appraisal Theory (Martin & White, 2005), the aim of this paper is to analyze the semantic features and lexical realization of explicit Attitude and Graduation expressions a particular English articles on Covid-19. The samples comprise include 44 sentences in the Op-Ed article “We need to talk about what coronavirus recoveries look like” (The New York Times newspaper). The findings reveals that language reflects positive and negative Attitude through Affect, Judgment and Assessment; these types of expression are realized in detailed sub-types. Moreover, Graduation expressions indicate an upscale intensification and quantification. The study makes use of both qualitative and quantitative information employing descriptive method. On the basis of the findings, the article puts forward several implications and suggestions on reading comprehension, writing, translating the language of Attitude and Graduation in English learning process.

Key words: covid-19; appreciation; judgment; affect; graduation.